

Họ và tên:

BÀI KIỂM TRA HỌC KỲ II

Lớp: 1

Môn: **TIẾNG ANH**

ANH NGỮ LEARN TO LIVE

Điểm MARK	Lời nhận xét của giáo viên- COMMENTS

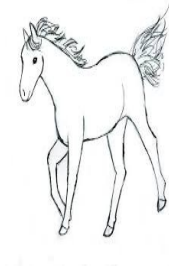
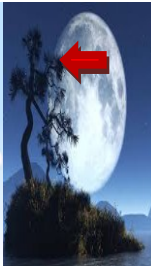
I. Matching.

1. donkey

2. flower

3. duck

4. horse



5. kite

6. moon

7. field

8. mango

II. Circle the correct answer. Khoanh vào câu trả lời đúng nhất a hoặc b (2.5 pts.)

0. What is this?

It is a _____.

a. water bottle

b. box

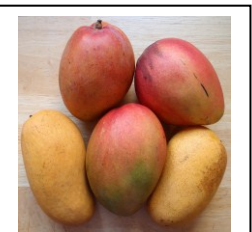


1. How many mangoes?

_____ mangoes.

a. six

b. five

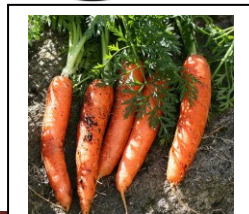


2. How many carrots?

There are _____.

a. five

b. four



3. What is this?

It is a _____.

a. shirt

b. skirt



4. I can

- a. run
- b. sing



5. How many flowers?

_____ flowers.

- a. six
- b. five



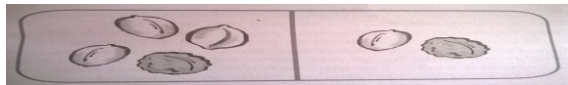
III. Đếm, nói và viết (2.5 pts)



four + two =



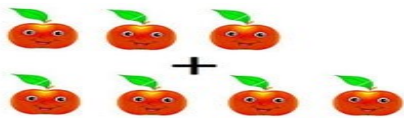
three + four =



two + two =



three + two =



one + two =

IV. Find the missing letter and write (tìm từ còn thiếu và viết)


- 1. he_d (cái đầu)
- 2. ey_ (Mắt)
- 3. f_nger (ngón tay)
- 4. ha_d (bàn tay)
- 5. l_g (cái chân)
- 6. e_rs (cái tai)
- 7. fe_t (bàn chân)
- 8. n_se (cái mũi)
- 9. a_m (cánh tay)
- 10. t_es (ngón chân)
- 11. s_esaw (bập bênh)
- 12. b_dy (cơ thể)

V. Matching number (Nối số)


eight three nine one six two four seven ten five


1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----


VI. Sắp xếp những chữ cái sau thành từ có nghĩa (2.5 pts.)


0. 
a p l e p
→ apple

1. 
s o h e s
→

2. 
r a t b i b
→

3. 
l o i n
→
.....

4. 
d d a
→
.....

5. 
u m m
→
.....

VII. Matching (nối)

- | | |
|------------|------------------|
| 1. sister | a. nữ hoàng |
| 2. water | b. con bạch tuộc |
| 3. shirt | c. nước |
| 4. socks | d. tất chân |
| 5. ostrich | e. con đà điểu |
| 6. octopus | f. áo sơ mi |
| 7. queen | g. anh trai |
| 8. brother | h. chị gái |